

(Số: 531/VSTP/KS)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ cơ giá trị với mẫu đem thử)

Tên mẫu: Nước uống trực tiếp

Mã số mẫu: 25.BN.1836

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong 02 chai thủy tinh dung tích 500 ml có nắp kín, lượng mẫu 1000ml, bảo quản ở nhiệt độ 4°C.

Cơ sở được lấy mẫu: TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG FPT BẮC GIANG

Địa điểm lấy mẫu: Cây nước uống tầng 1

Địa chỉ: Khu đô thị phía Nam, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày lấy mẫu: 12/9/2025

Ngày nhận mẫu: 12/9/2025

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Ngày kiểm nghiệm: 12/9/2025

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu số 1010/BB-KSBTBNS1

Kết quả thử nghiệm

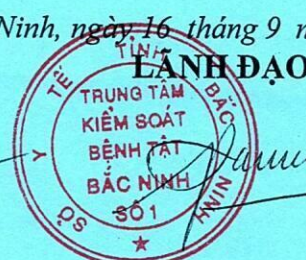
T	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1:2010/BYT	Kết luận
1	Coliforms*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/250ml	<1	<1	Đạt
2	E.coli*	TCVN 6187-1: 2019	CFU/250ml	<1	KPH	Đạt
3	P.aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	<1	<1	Đạt
4	S. faecal	TCVN 6189 - 2 : 2009	CFU/250ml	<1	<1	Đạt
5	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sunfit*	TCVN 6191-2: 1996	CFU/50ml	<1	<1	Đạt

Ghi chú: QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Văn Nguyễn

Đương Thị Hiền

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ THỊ

Mã số: BM-TT 7.8 - 01

1. KPH: Không phát hiện. 2. KQĐ: Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1: đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh

(Số: 501/HLTP/KSBTBN S1)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

Tên mẫu: **VILAS 591** Nước uống trực tiếp

Mã số mẫu: **25.BN.1836**

Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong 02 chai thủy tinh dung tích 500ml có nắp kín, thể tích mẫu gửi 1000 mL, bảo quản ở nhiệt độ 4°C

Tên cơ sở: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT Bắc Giang

Địa điểm lấy mẫu: Cây nước uống tầng 1

Địa chỉ: Khu đô thị phía Nam, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Ngày lấy mẫu: 12/9/2025

Ngày nhận mẫu: 12/9/2025

Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu

Ngày kiểm nghiệm: 12/9/2025

Tài liệu kèm theo: Biên bản nhận mẫu

Lý do lấy mẫu: Theo hợp đồng

T T	Thông số kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1:2010 /BYT	Kết luận
1	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (tính theo ion nitrit)*	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH	$\leq 3,0$	Đạt
2	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo ion nitrat)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,26	≤ 50	Đạt
3	Hàm lượng Bromat	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH	$\leq 0,05$	Đạt
4	Hàm lượng Clorit	PPPTN (LC-MS/MS)	mg/L	KPH	$\leq 0,7$	Đạt
5	Hàm lượng Clorat		mg/L	KPH	$\leq 0,7$	Đạt
6	Hàm lượng Bari (Ba)	SMEWW 3125B:2023	mg/L	KPH	$\leq 0,7$	Đạt
7	Hàm lượng Stibi		mg/L	KPH	$\leq 0,005$	Đạt
8	Hàm lượng Cyanid	PPPTN	mg/L	KPH	$\leq 0,07$	Đạt
9	Hàm lượng Fluorid (F)	SMEWW 4500F-D:2023	mg/L	KPH	$\leq 1,5$	Đạt
10	Hàm lượng Selen	SMEWW 3125B:2023	mg/L	KPH	$\leq 0,01$	Đạt

Mã số: BM-TT 7.8 – 01

Lần ban hành: 01.25

1. KPH: Không phát hiện

2. (-): Không qui định

3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS

5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1: Đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh

6. PPPTN: Phương pháp phòng thí nghiệm

T T	Thông số kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1:2010 /BYT	Kết luận
11	Hàm lượng Molipden (Mo)	SMEWW 3125B:2023	mg/L	KPH	$\leq 0,07$	Đạt
12	Hàm lượng Bor (Bo)		mg/L	KPH	$\leq 0,5$	Đạt
13	Hàm lượng Đồng (Cu)*	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH	$\leq 2,0$	Đạt
14	Hàm lượng Mangan (Mn)*	SMEWW 3125B:2023	mg/L	KPH	$\leq 0,4$	Đạt
15	Hàm lượng Niken (Ni)*		mg/L	KPH	$\leq 0,07$	Đạt
16	Hàm lượng Thủy ngân(Hg)		mg/L	KPH	$\leq 0,006$	Đạt
17	Hàm lượng Chì (Pb)*	SMEWW 3125B:2023	mg/L	KPH	$\leq 0,01$	Đạt
18	Hàm lượng Cadmi (Cd)*		mg/L	KPH	$\leq 0,003$	Đạt
19	Hàm lượng Arsen (As)		mg/L	KPH	$\leq 0,01$	Đạt
20	Hàm lượng Crom (Cr)		mg/L	KPH	$\leq 0,05$	Đạt
21	Hàm lượng Clor	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH	≤ 5	Đạt

Ghi chú: - QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

- Giới hạn định lượng của NO_2 : 0,01 mg/L; Cd: 0,0005 mg/L; Pb: 0,001 mg/L; Cu: 0,1 mg/L; Mn: 0,01 mg/L; Ni: 0,003 mg/L.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 9 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KHOA XÉT NGHIỆM
Trưởng khoa

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Thúy

Dương Thị Hiền



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHAN THỊ THỊ

1. KPH: Không phát hiện
2. (-): Không qui định
3. Phiếu kiểm nghiệm này chỉ có kết quả đối với mẫu thử. Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1: Đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
6. PPPTN: Phương pháp phòng thí nghiệm